

BÁO CÁO

**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện
dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2024**

Thực hiện Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 10 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 và Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 10 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước.....11.100 tỷ đồng.
 - + Thu nội địa 9.900 tỷ đồng.
 - + Thu xuất nhập khẩu 1.200 tỷ đồng.
- Dự toán thu ngân sách địa phương (NSDP)11.158,5 tỷ đồng.
 - + Thu cân đối NSDP 10.288,0 tỷ đồng.
 - + Thu NSTW bổ sung các CT mục tiêu, nhiệm vụ:..... 870,5 tỷ đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương11.169,6 tỷ đồng.
 - + Chi cân đối NSDP:10.299,1 tỷ đồng.
 - + Chi các CT mục tiêu, nhiệm vụ: 870,5 tỷ đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương11,1 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện NSNN 9 tháng và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2024 như sau:

I. VỀ THU NSNN

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn 9.330,8 tỷ đồng, đạt 84,1% dự toán, tăng 14,6% cùng kỳ, gồm:

1. Phân theo nguồn thu

- Thu nội địa 7.972,6 tỷ đồng, đạt 80,5% dự toán, tăng 13,8% cùng kỳ.
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 1.358,2 tỷ đồng, đạt 113,2% dự toán, tăng 19,7% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (Tính riêng thu nội địa)

- Khối Tỉnh: 5.733,1 tỷ đồng, đạt 79,1% dự toán.

- Khối Huyện: 2.239,5 tỷ đồng, đạt 84,5% dự toán, trong đó: 08/9 huyện, thị xã đều đạt từ 75% so dự toán trở lên và Thành phố Tây Ninh đạt 74,8% so dự toán.

II. VỀ CHI NSDP

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương: 7.696,1 tỷ đồng, đạt 68,9% dự toán, tăng 8% cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 6.571,1 tỷ đồng, đạt 63,8% dự toán, tăng 7,9% cùng kỳ, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 2.369,2 tỷ đồng, đạt 67,1% dự toán, giảm 4% cùng kỳ.

+ Chi thường xuyên: 4.157,7 tỷ đồng, đạt 63,5% dự toán, tăng 15,4% cùng kỳ.

- Chi các CTMT, nhiệm vụ: 1.125 tỷ đồng, đạt 129,2% dự toán, tăng 8,3% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố

- Khối Tỉnh: 2.962,3 tỷ đồng, đạt 54% dự toán;

- Khối Huyện: 4.733,8 tỷ đồng, đạt 83,2% dự toán.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP

1. Tổng thu NSDP 13.590,5 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết..... 7.677,5 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ NSTW 1.008,5 tỷ đồng.

- Thu chuyên nguồn..... 5.264,5 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP 7.720,6 tỷ đồng.

- Chi cân đối Ngân sách địa phương 6.571,1 tỷ đồng.

- Chi các CTMT, nhiệm vụ 1.125,0 tỷ đồng.

- Chi tạm ứng ngân sách 24,5 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ NSDP (1-2)..... 6.229,9 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh..... 2.516,7 tỷ đồng.

- Ngân sách huyện, xã 3.713,2 tỷ đồng.

IV. TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ VAY

Tổng số dư nợ đầu kỳ: 65,3 tỷ đồng, vay trong kỳ: 10,7 tỷ đồng, trả nợ trong kỳ: 3,3 tỷ đồng, dư nợ cuối kỳ: 72,7 tỷ đồng.

V. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

1.1. Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời từ các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố; quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo thu đúng, đủ theo quy định. Tổng thu NSNN trên địa bàn đạt 84,1% so với dự toán và tổng thu nội địa đạt 80,5% so với dự toán, vượt tiến độ.

Có 10/15 khoản thu đạt từ 75% trở lên so với dự toán, gồm: Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 95,1% dự toán, tăng 25,3% cùng kỳ; Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 79,9% dự toán, tăng 31,5% cùng kỳ; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 90,6% dự toán, tăng 3,1% cùng kỳ; Thuế bảo vệ môi trường đạt 75% dự toán, tăng 12,1% cùng kỳ; Thu phí và lệ phí đạt 101% dự toán, tăng 23% cùng kỳ; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 93,4% dự toán, tăng 14,7% cùng kỳ; Thu khác ngân sách đạt 102,2% dự toán, tăng 13,4% cùng kỳ; Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,... tại xã đạt 80,9% dự toán, tăng 24,7% cùng kỳ; Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 203,6% dự toán, tăng 53,7% cùng kỳ; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 87% dự toán, giảm 0,4% cùng kỳ. Nguyên nhân một số nguồn thu tăng cao so dự toán và cùng kỳ chủ yếu là do kinh tế có dấu hiệu phục hồi, một số hộ sản xuất, kinh doanh và các doanh nghiệp trọng điểm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế GTGT tăng đột biến (như: Công ty TNHH Sailun Việt Nam tăng 143,6 tỷ đồng, Công ty TNHH Cocreation Grass Corporation Việt Nam tăng 51 tỷ đồng, Công ty CP Thành Thành Công Biên Hòa tăng 39,6 tỷ đồng, Công ty TNHH Can Sports tăng 30 tỷ đồng, Công ty TNHH XNK TMCN Hùng Duy tăng 26 tỷ đồng, Công ty CP Mặt Trời tăng 16,3 tỷ đồng,...); tăng mạnh từ Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu,... Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chuyển biến tích cực, các khó khăn, vướng mắc tiếp tục được tập trung tháo gỡ.

Có 08/9 huyện, thị xã, thành phố có số thu đạt trên 75% dự toán, gồm: Hòa Thành đạt 75,8%, Châu Thành đạt 84,9%, Dương Minh Châu đạt 89,9%; Trảng Bàng đạt 82,3%; Gò Dầu đạt 103,9%; Bến Cầu đạt 93%; Tân Biên đạt 95,8%, Tân Châu đạt 88,1%.

1.2. Về chi ngân sách

Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt 74,2% dự toán, giảm 12,5% cùng kỳ. Trong đó, chi từ nguồn cân đối NSDP đạt 67,1% dự toán, giảm 8,2% cùng kỳ; chi từ nguồn NSTW bổ sung đạt 109,1% dự toán, giảm 23,5% cùng kỳ. Đạt kết quả trên do có số giải ngân các dự án từ nguồn năm trước chuyển sang. Đối với chi đầu tư theo kế hoạch năm 2024, trong 9 tháng đầu năm đã thực hiện được như sau: đến cuối quý I/2024 đã giao chi tiết 100% Kế hoạch HĐND tỉnh giao cho các dự án sử dụng vốn tỉnh quản lý và giao mức vốn hỗ trợ mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố để các đơn vị chủ động chuẩn bị hồ sơ trình cấp thẩm quyền giao chi tiết đến từng dự án; Thực hiện Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh, đã thành lập Tổ công tác thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh (do Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính chủ trì) làm việc với các huyện, thị

xã, thành phố và các chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân thấp hơn mức bình quân chung của tỉnh nhằm đôn đốc, kiểm tra, giám sát, xử lý các vướng mắc cụ thể của từng dự án, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công đã đề ra; UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2024, trong đó bổ sung các dự án mới, quan trọng, có tính chất lan tỏa góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chi thường xuyên đảm bảo các nhu cầu chi theo dự toán; trong đó các nhiệm vụ chi thiết yếu như: đảm bảo an sinh xã hội, y tế, giáo dục đào tạo, quốc phòng, an ninh, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ cần thiết khác. Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách địa phương đảm bảo theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Các đơn vị được giao quyền tự chủ về tài chính, sử dụng kinh phí tự chủ đúng quy định. Chủ động tăng cường thực hiện việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản công theo quy định.

2. Những khó khăn

2.1. Về thu ngân sách

Trong 9 tháng đầu năm 2024, mặc dù nhiều ngành, lĩnh vực tiếp tục xu hướng phục hồi và có triển vọng tích cực; nhiều chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đã và đang phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế và gặp nhiều khó khăn, thách thức khó lường làm ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước và thực hiện các quy định về miễn, giảm thuế. Có 5/15 khoản thu dưới 75% so với dự toán, gồm: Thu từ DNNN đạt 63,4% dự toán, giảm 5,2% cùng kỳ; Lệ phí trước bạ đạt 65,2%, tăng 0,4% cùng kỳ; Thuế thu nhập cá nhân đạt 74,2% dự toán, tăng 6,8% cùng kỳ; Thu tiền sử dụng đất đạt 59,4%, tăng 4,4% cùng kỳ; Thu tiền thuê đất đạt 69%, tăng 77,3% cùng kỳ. Nguyên nhân một số nguồn thu không đạt chủ yếu do thu từ thuế GTGT các doanh nghiệp trọng điểm của khu vực doanh nghiệp trung ương còn thấp; nhu cầu mua sắm, chuyển nhượng bất động sản tại địa phương còn thấp so với kỳ vọng, thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu phục hồi, số lượng hồ sơ giao dịch mua bán, chuyển nhượng bất động sản còn thấp làm ảnh hưởng tiến độ thu; một số chính sách hỗ trợ được ban hành trong năm 2023, 2024 tác động giảm thu NSNN 9 tháng đầu năm 2024, bao gồm: Giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP (có hiệu lực thi hành từ 01/07/2023 đến 31/12/2023); giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2024 đến hết 30/06/2024); gia hạn thời hạn nộp thuế, tiền thuê đất năm 2024 theo Nghị định số 64/2024/NĐ-CP (có hiệu lực thi hành từ ngày 17/6/2024 đến hết ngày 31/12/2024).

2.2. Về chi ngân sách

- Ước thực hiện chi đầu tư phát triển theo kế hoạch năm 2024 còn thấp, cụ thể: chi từ nguồn cân đối NSDP đạt 50,5%, chi từ nguồn NSTW bổ sung đạt 43,2%. Nguyên nhân đạt thấp chủ yếu do: Một số dự án có tiến độ giải ngân chậm do phải điều chỉnh kế hoạch tại một số mục tiêu, nhiệm vụ như: Chương trình Xây dựng nông thôn mới, Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025, một số dự án chuyên tiếp có số vốn lớn phải thực hiện công tác điều chỉnh, phát sinh hạng mục cho phù hợp tình hình triển khai thực tế của dự án (Đường 794, Đường 795, dự án Hệ thống thu gom xử lý nước thải Thành phố ...); công tác chuẩn bị đầu tư một số dự án trọng điểm của tỉnh còn chậm nên chỉ được giao bổ sung kế hoạch vốn năm 2024 trong quý II/2024; năm 2024 có nhiều dự án lớn khởi công mới, nên trong 6 tháng đầu năm và quý III thực hiện công tác chuẩn bị, triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu và thi công các gói thầu xây dựng, dẫn đến việc giải ngân của các dự án này vào cuối năm.

- Chi thường xuyên, ngoài lĩnh vực đảm bảo xã hội và quản lý hành chính đạt cao so dự toán thì các lĩnh vực còn lại chưa đạt tiến độ dự toán, cụ thể: sự nghiệp kinh tế đạt 36,4% (trong đó: sự nghiệp nông nghiệp 25,6%; sự nghiệp lâm nghiệp 38,4%; sự nghiệp thủy lợi 54,3%; sự nghiệp giao thông 35,9%; sự nghiệp kiến thiết thị chính 50,3% và sự nghiệp kinh tế khác 18,7%); sự nghiệp môi trường đạt 44,2%; sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề đạt 68,4%; sự nghiệp y tế đạt 58,1%; sự nghiệp văn hóa đạt 62,3%; sự nghiệp phát thanh truyền hình đạt 56,3%; sự nghiệp thể dục thể thao đạt 62%; sự nghiệp KHCN đạt 40%;... Nguyên nhân chủ yếu là do: một số nhiệm vụ chi phải triển khai thực hiện chương trình, đề án, kế hoạch theo trình tự thời gian quy định, những tháng đầu năm chỉ tổ chức triển khai thực hiện, chưa nghiệm thu nên chưa thực hiện thanh toán.

(Kèm Biểu mẫu số 59, 60, 61/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, tx, tp;
- Sở Tài chính (Đăng Công thông tin điện tử STC);
- Trung tâm CBTH (Đăng Công thông tin điện tử tỉnh TN);
- LĐVP; PKT;
- Lưu: VT. VP.

Trúc 19

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 436 /BC-UBND ngày 14 /10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG 2024	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	11.100.000	14.595.345	131,5%	108,3%
I	Thu cân đối NSNN	11.100.000	9.330.759	84,1%	114,6%
1	Thu nội địa	9.900.000	7.972.563	80,5%	113,8%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.200.000	1.358.196	113,2%	119,7%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		5.264.586		106,1%
B	TỔNG CHI NSDP	11.169.584	7.696.071	68,9%	119,8%
I	Chi cân đối NSDP	10.299.041	6.571.072	63,8%	117,9%
1	Chi đầu tư phát triển	3.530.122	2.369.182	67,1%	123,5%
2	Chi thường xuyên	6.544.897	4.157.694	63,5%	112,7%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100	492	44,7%	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0		
5	Dự phòng ngân sách	213.870	40.381	131,9%	77,0%
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	870.543	1.124.999	129,2%	108,3%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	11.100	14.640	131,9%	77,0%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	0	3.324		107,6%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 436 /BC-UBND ngày 14/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2024	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	11.100.000	9.330.759	84,1%	114,6%
I	Thu nội địa	9.900.000	7.972.563	80,5%	113,8%
1	Thu từ khu vực DNNN	345.000	218.886	63,4%	115,3%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.473.000	1.400.404	95,1%	124,3%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.100.000	1.678.913	79,9%	138,5%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.230.000	912.586	136,5%	99,1%
5	Thuế bảo vệ môi trường	415.000	311.413	219,9%	112,9%
6	Lệ phí trước bạ	455.000	296.545	65,2%	89,2%
7	Thu phí, lệ phí	451.000	455.574	101,0%	111,5%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.270.000	779.591	61,4%	128,7%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.000	18.111	60,2%	107,3%
-	Thu tiền sử dụng đất	1.050.000	623.566	35,8%	97,8%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	200.000	137.914	56,0%	115,9%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	22.000	20.539	71,3%	128,5%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	4.071	53,7%	179,0%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.900.000	1.652.317	61,8%	103,4%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.000	1.618	59,5%	149,7%
13	Thu khác ngân sách	235.000	240.106	102,2%	172,9%
II	Thu từ đầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.200.000	1.358.196	113,2%	119,7%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu				
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu				
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				
6	Thu khác				
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	9.531.435	7.677.483	80,5%	112,9%
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%				

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 436 /BC-UBND ngày 14/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU 2024	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP: (A) + (B)	11.169.584	7.696.071	68,9%	108,0%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	10.299.041	6.571.072	63,8%	107,9%
I	Chi đầu tư phát triển	3.530.122	2.369.182	67,1%	96,0%
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.530.122	2.237.382	63,4%	102,1%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		131.800		46,2%
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	6.544.897	4.157.694	63,5%	115,4%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.702.994	1.850.068	68,4%	121,9%
2	Chi khoa học và công nghệ	35.049	14.013	40,0%	109,4%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	536.647	311.867	58,1%	128,8%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	113.942	71.034	62,3%	113,5%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	76.409	43.019	56,3%	194,3%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	39.124	24.246	62,0%	135,9%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	136.026	60.114	44,2%	110,4%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	833.354	303.665	36,4%	86,4%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.098.525	840.439	76,5%	118,7%
10	Chi bảo đảm xã hội	497.168	354.764	71,4%	107,4%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100	492	44,7%	144,8%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0		
V	Dự phòng ngân sách	213.870	40.381	18,9%	287,6%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	870.543	1.124.999	129,2%	108,3%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	195.288	107.270	54,9%	98,7%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	595.760	703.948	118,2%	78,9%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	79.495	313.781	394,7%	837,6%